

**CÔNG TY CỔ PHẦN MEIJI VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MEIJI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MEIJI VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108198323

**3. Ngày thành lập:** 23/03/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Lam Điền, Xã Lam Điền, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                             | 5022     |
| 2.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                 | 7410     |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng nội thất                     | 4649     |
| 4.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ bán buôn vàng)                                                                                                                      | 4662     |
| 5.  | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                         | 2733     |
| 6.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                               | 2740     |
| 7.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                       | 2750     |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng                                 | 4659     |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh | 4663     |
| 10. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                               | 4669     |
| 11. | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su                                                                                                                                                | 2212     |
| 12. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                    | 2220     |
| 13. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh         | 4759     |
| 14. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(trừ đấu giá bán lẻ qua internet)                                                                                    | 4791     |

|     |                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                  | 4933        |
| 16. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Hoạt động lưu giữ, kho bãi đối với các loại hàng hoá trong kho chứa hàng hoá thông thường, kho đông lạnh                                                               | 5210        |
| 17. | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: Xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên phương tiện vận tải hoặc dỡ hàng hóa hoặc hành lý của hành khách từ phương tiện vận tải                                              | 5224        |
| 18. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                            | 4752        |
| 19. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                  | 4330        |
| 20. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ đấu giá bán lẻ)                                                                                                                                               | 4799        |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                             | 4931        |
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                | 4932        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Gửi hàng, giao nhận hàng hóa, đại lý bán vé máy bay, đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải đường biển. Môi giới thuê tàu biển và máy bay | 5229        |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại 2005)                                              | 8299        |
| 25. | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                                                                                                                                                        | 2011(Chính) |
| 26. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                                                                  | 2022        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                         | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HÀ HỒNG QUÂN  | Phòng 3402, Tòa nhà HH2B, Khu đô thị Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 160.000    | 1.600.000.000         | 32,000    | 030089003995                                                                                |         |
|     |               |                                                                                                              | Tổng số           | 160.000    | 1.600.000.000         | 32,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ TRỌNG NAM  | Thôn Hưng Hiền, Xã Yên Hưng, Huyện Yên Mô, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam                                          | Cổ phần phổ thông | 160.000    | 1.600.000.000         | 32,000    | 0370777001868                                                                               |         |
|     |               |                                                                                                              | Tổng số           | 160.000    | 1.600.000.000         | 32,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | PHẠM SƠN TÙNG | Thôn Hoàng Xá, Xã Quyết Thắng, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam                                      | Cổ phần phổ thông | 180.000    | 1.800.000.000         | 36,000    | 030090001140                                                                                |         |
|     |               |                                                                                                              | Tổng số           | 180.000    | 1.800.000.000         | 36,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM SƠN TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 24/09/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 030090001140

Ngày cấp: 14/03/2016

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Hoàng Xá, Xã Quyết Thắng, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 5 Ngách 102, Ngõ 5 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội